

시원스쿨 베트남어가 직접 뽑은 필수 속담 50개

베트남어

영어

한국어

1	An cư lạc nghiệp	To settle down	편하게 살고, 즐겁게 일한다
2	Ác giả ác báo	Come home to roost	자기가 저지른 일은 자기에게 돌아온다
3	Ăn miếng trả miếng	Tit for tat	눈에는 눈 이에는 이
4	Bán tín bán nghi	To be skeptical/doubtful; of two minds	반은 믿고 반은 의심한다
5	Bận tới mắt tới mũi	Be so busily engaged	눈코 뜰 새 없다
6	Cái khó ló cái khôn	Necessity is the mother of invention	필요는 발명의 어머니
7	Có mới nới cũ	Out with the old, in with the new	개구리가 올챙이적 생각 못한다
8	Có công mài sắt có ngày nên kim	Practice makes perfect	무쇠도 갈면 바늘이 된다
9	Có thực mới vực được đạo	It's no use preaching to a hungry man	금강산도 식후경
10	Có chí thì nên	Where there is a will, there is a way	뜻이 있는 곳에 길이 있다

시원스쿨 베트남어가 직접 뽑은 필수 속담 50개

베트남어

영어

한국어

11	Có tật giật mình	He who excuses himself, accuses himself	도둑이 제 발 저리다
12	Cao nhân ắt có cao nhân trị	Diamond cuts diamond	뛰는 놈 위에 나는 놈 있다
13	Của rẻ là của ôi	Buy cheap, buy twice	싼 게 비지떡이다
14	Cha nào con nấy	Like father like son	그 아버지에 그 아들
15	Dễ như trở bàn tay	It's a piece of cake	누워서 떡 먹기
16	Ếch ngồi đáy giếng	The frog at the bottom of the well	우물 안 개구리
17	Ghen ăn tức ở	The Grass is Always Greener on the Other Side	남의 떡이 커 보인다
18	Giao trứng cho ác	Set wolf to guard the sheep	고양이한테 생선을 맡긴다
19	Gậy ông đập lưng ông	Cut off one's nose to spite one's face	누워서 침 뱉기
20	Gừng càng già càng cay	With age comes wisdom	나이가 들면 지혜가 생긴다

시원스쿨 베트남어가 직접 뽑은 필수 속담 50개

베트남어

영어

한국어

21	Im lặng là vàng	Silence is golden	침묵은 금이다
22	Không có lửa làm sao có khói	Where there's smoke there's fire	아니 땐 굴뚝에 연기나라
23	Khỏe như trâu	As strong as an ox	소처럼 건강하다
24	Lấy độc trị độc	Habit cures habit	이열치열
25	Mất bò mới lo làm chuồng	Lock the stable door after the horse is stolen	소 잃고 외양간 고친다
26	Một giọt máu đào hơn ao nước lã	Blood is thicker than water	피는 물보다 진하다
27	Một mũi tên trúng hai đích	Kill two birds with one stone	일석이조
28	Mưu sự tại nhân, hành sự tại thiên	Man proposes, God dispose	인간이 계획하지만 성패는 하늘에 달렸다
29	Nói một đường làm một nẻo	Speak one way and act another	언행 불일치
30	Nhập gia tùy tục	When in Rome, do as the Romans do	로마에 가면 로마법을 따르라

시원스쿨 베트남어가 직접 뽑은 필수 속담 50개

베트남어

영어

한국어

31	Nước đổ đầu vịt	Like water off a duck's back	쇠귀에 경읽기
32	Ngồi trên đống lửa	On pins and needles	가시 방석에 앉다
33	Phòng bệnh hơn chữa bệnh	Prevention is Better than Cure	예방이 가장 좋은 치료이다
34	Sau cơn mưa trời lại sáng	After rain comes fair weather	비 온 뒤에 땅이 굳는다
35	Sức khỏe quý hơn vàng	Health is better than wealth	건강은 금보다 귀하다
36	Suy bụng ta ra bụng người	A thief knows a thief as a wolf knows a wolf	자신의 생각으로 남을 판단하다
37	Tốt gỗ hơn nét nước sơn	Hand some is as handsome does	뚝배기보다 장맛
38	Tích tiểu thành đại	Many a mickle makes a muckle	티끌 모아 태산
39	Thắng làm vua thua làm giặc	Losers are always in the wrong	이기면 왕 지면 역적
40	Thuốc đắng giã tật	No pain no cure	좋은 약은 입에 쓰다

시원스쿨 베트남어가 직접 뽑은 필수 속담 50개

베트남어

영어

한국어

41	Tiêu tiền như nước	Spend money like water	돈을 물 쓰듯 하다
42	Trong cái rủi có cái may	A blessing in disguise	불행 중 다행
43	Trăm nghe không bằng một thấy	Seeing is believing	백 번 듣는 것보다 한 번 보는 것이 낫다
44	Trâu bò đánh nhau ruồi muỗi chết	When elephants fight, the grass suffers	고래 싸움에 새우 등 터진다
45	Trời đánh tránh miếng ăn	One doesn't even bother a dog when it eats	먹을 때에는 개도 안 건드린다
46	Thùng rỗng kêu to	Empty vessels make the most sound	빈 수레가 요란하다
47	Vạn sự khởi đầu nan	It's the first step that counts	첫걸음이 가장 어렵다
48	Vừa đấm vừa xoa	Carry fire in one hand and water in the other	병 주고 약 준다
49	Xa mặt cách lòng	Out of sight, out of mind	눈에서 멀어지면 마음에서도 멀어진다
50	1 nụ cười bằng mười thang thuốc bổ	Laughing is the best medicine	웃음이 보약이다